

CƯ DÂN LÀNG XÃ VỚI VẤN ĐỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HOÁ

NGUYỄN HỮU TOÀN*

1 - Đặt vấn đề: 1.1- Di sản văn hoá của các thế hệ trước để lại, "là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá" (Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá VIII), vì vậy, di sản văn hoá giữ vai trò/trở thành một nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

1.2- Di sản văn hoá tồn tại dưới hai hình thức: di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể. Nhưng dù dưới hình thức nào, thì di sản văn hoá cũng được giữ gìn, được trao truyền giữa các thế hệ tại những địa bàn cụ thể (di sản văn hoá vật thể) và thông qua những "hình thức" nhất định của cá nhân hoặc cộng đồng cư dân cụ thể (di sản văn hoá phi vật thể).

Đối với nước ta, làng xã và cộng đồng cư dân làng xã chính là những địa bàn, những chủ thể có vị trí hàng đầu đối với việc bảo lưu, trao truyền di sản văn hoá.

Từ thực tiễn trên đây, để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả sự nghiệp bảo tồn và phát huy di sản văn hoá dân tộc, theo chúng tôi, việc tìm hiểu về nhận thức và những biểu hiện cụ thể của cộng đồng cư dân làng xã với vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hoá là một nội dung nghiên cứu thực sự có ý nghĩa khoa học và thực tiễn đặc biệt. Tuy nhiên, những trình bày của chúng tôi sau đây chỉ là những suy nghĩ bước đầu, được hình thành từ kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ tại 04 làng Việt cổ thuộc châu thổ Bắc Bộ.

2- Đối tượng điều tra, khảo sát:

2.1- Bốn làng là đối tượng điều tra, khảo sát của chúng tôi (Tham gia khảo sát có Bảo tàng Bắc Ninh, Bảo tàng Nam Định Cục Bảo tồn

Bảo tàng) thuộc địa bàn hai tỉnh Bắc Ninh và Nam Định, gồm:

+ Tại tỉnh Bắc Ninh:

- Làng Diềm (xã Hoà Long, huyện Yên Phong): là một trong những làng Quan họ gốc, tiêu biểu của Bắc Ninh.

- Làng Đại Bái (xã Đại Bái, huyện Gia Bình): là làng nghề gò - đúc đồng có lịch sử lâu đời và khá nổi tiếng gần xa.

+ Tại tỉnh Nam Định:

- Làng Hành Thiện (xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường): là một làng có truyền thống học hành - khoa bảng đặc biệt ("Đông Cổ Am, Nam Hành Thiện").

- Làng La Xuyên (xã Yên Ninh, huyện Ý Yên): là một làng nghề chạm khắc gỗ tiêu biểu của Nam Định - Xứ Nam.

2.2- Đối tượng được chúng tôi quan tâm, qua hình thức trả lời các câu hỏi của Phiếu trưng cầu ý kiến, là các thành viên trong làng, mỗi làng 50 người (tổng cộng là 200 người), thuộc nhiều thành phần, giới, tuổi, nghề nghiệp khác nhau. Các đối tượng này chủ yếu được chọn ngẫu nhiên, cụ thể như sau:

Tiêu chí nhóm xã hội	Tổng số (người)	Tỷ lệ %
1- Giới tính:		
- Số người được hỏi:	200	100%
- Nam:	146	73%
- Nữ:	54	27%
2- Dân tộc:		
- Số người được hỏi	200	100%
- Kinh	200	100%
- Dân tộc khác	0	0
3- Độ tuổi:		
- Số người được hỏi:	200	100%
- Từ 50 - 72 -	78	39%
- Từ 30 - 49	95	47,5%
- Từ 12 - 29	27	13,5%

* Cục Di sản Văn hóa - bộ Văn hóa Thông tin

4- Nghề nghiệp		
- Số người được hỏi	200	100%
- Làm ruộng	87	43,5%
- Làm nghề thủ công	48	24,0%
- Trí thức (giáo viên)	19	9,5%
- Học sinh	13	6,5%
- Cán bộ hưu trí	15	7,5%
- Người mất sức lao động	4	2,0%
- Người làm nghề khác	14	7,0%

2.3- Nội dung chính của các câu hỏi chỉ dừng lại ở việc nhằm trưng cầu ý kiến của nhân dân các làng kể trên về một vài vấn đề chung nhất sau đây:

- Về vấn đề "di sản văn hoá": dừng lại ở khái niệm chung, đó là những tài sản văn hoá do thế hệ trước trao truyền lại; không chia tách thành di sản văn hoá vật thể, di sản văn hoá phi vật thể với những loại hình di sản cụ thể.

- Về vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hoá: dừng lại ở việc tham vấn quan niệm của các đối tượng được hỏi về các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hoá có liên quan đến lĩnh vực công tác bảo tồn bảo tàng; không mở rộng việc tham vấn về các hoạt động thuộc lĩnh vực khác (giáo dục học đường, du lịch...).

3- Cộng đồng cư dân làng xã với vấn đề bảo vệ và phát huy di sản văn hoá:

3.1- Muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc, trước hết cần có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của di sản văn hoá

dân tộc đối với việc hình thành bản sắc dân tộc. Điều đáng mừng là, 78,5% cư dân ở các làng xã hiện nay đều có chung một mối quan tâm đặc biệt tới truyền thống lịch sử, văn hoá của làng - chỉ có 21% coi truyền thống lịch sử - văn hoá của làng là "chuyện bình thường" và 0,5% ít quan tâm tới vấn đề này. Theo đó, cộng đồng cư dân các làng xã đều rất tự hào về truyền thống của làng (86%). Những con số trên càng có ý nghĩa hơn khi biết rằng, cách đây chưa xa (cho đến đầu những năm 80 của thế kỷ XX), nhiều di sản văn hoá của các làng xã (đình, chùa, đền, miếu, hội lễ...) vẫn bị nhìn nhận, ứng xử như những tàn dư của chế độ phong kiến, là những biểu hiện của lạc hậu, hủ tục cần xoá bỏ - trên thực tế, nhiều di sản văn hoá đã bị phá bỏ. Cho nên, những thông tin trên đây cần được xem như những phản ánh đáng tin cậy về sự chuyển biến nhận thức, theo hướng tích cực của cộng đồng cư dân các làng xã về vị trí, vai trò của di sản văn hoá trong đời sống hiện tại.

3.2- Vấn đề tiếp tục được đặt ra là, khi đã khẳng định di sản văn hoá chính là tài sản do các thế hệ trước để lại, thì rất cần định lượng được số tài sản ấy.

Tài sản/di sản văn hoá phi vật thể được lưu giữ trong từng con người/cộng đồng cư dân cụ thể (trong trí nhớ, trong các sinh hoạt văn hoá cộng đồng) là nguồn tài sản vô hình, nó tiềm nhập vào con người và được xuất lộ qua hoạt động cụ thể của con người, nên rất khó định



Chùa Quán Thánh
ảnh: ST

lượng.

Tài sản/di sản văn hoá vật thể chính là những sản phẩm do lao động sáng tạo của con người làm ra, tồn tại dưới dạng vật chất, nên có thể định lượng. Trong trường hợp điều tra, khảo sát này, tài sản đó được xác định/giới hạn là những hiện vật thuộc đối tượng nghiên cứu, sưu tầm... để tiến tới đưa ra trưng bày tại các bảo tàng. Kết quả điều tra nguồn tài sản này cung cấp một số thông tin rất đáng lưu ý:

+ Về tình hình tài liệu, hiện vật có liên quan (phản ánh) về truyền thống lịch sử, văn hoá tiêu biểu của làng:

- Chỉ có 20,5% gia đình còn giữ được các tài liệu hiện vật (thường là 1-2 đơn vị tài liệu, hiện vật).

- Có 4 gia đình (2%) từng giữ được một số tài liệu, hiện vật, nhưng nay đã để hư hỏng.

- Có 14 gia đình (7%) từng có tài liệu, hiện vật, nhưng đã bán đi.

Như vậy, số di sản văn hoá vật thể ở các gia đình, làng xã còn lại đến nay vốn đã không nhiều, lại ít được giữ gìn như là những "tài sản vô giá". Có thể tìm nguyên nhân đưa tới thực trạng này, một mặt, do quần chúng chưa có nhận thức đầy đủ về giá trị của di sản văn hoá, mặt khác, do việc nhà nước chưa ngăn chặn có hiệu quả việc buôn bán trái phép cổ vật (cả thời gian trước đây và hiện nay).

+ Về cách xử sự của nhân dân đối với các di sản văn hoá mà họ là chủ sở hữu, trong trường hợp nhà nước cần đến: Trong số 62 người trả lời câu hỏi này, có:

- 36 người (57%) sẵn sàng hiến tặng cho Nhà nước,

- 23 người (37%) chọn cách bán cho Nhà nước,

- 3 người (5%) sẽ giữ lại.

Từ những thông tin trên, điều dễ nhận thấy là, cho đến nay, đa số nhân dân ở các làng xã vẫn sẵn sàng hiến tặng các di sản văn hoá cho Nhà nước để (nhà nước) tổ chức trưng bày, giới thiệu, phát huy tác dụng. Tuy vậy, số người chọn cách xử sự là "bán" cho nhà nước cũng đã chiếm tỷ lệ không nhỏ (gần 40%). Đây chính là cơ sở thực tiễn rất đáng quan tâm đối với hoạt động sưu tầm tài liệu - hiện vật của các bảo tàng thuộc sở hữu nhà nước.

3.3- Trưng bày bảo tàng là một trong những hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hoá mang lại hiệu quả tích cực. Thông qua hoạt

động này, các di sản văn hoá không chỉ được sưu tầm, bảo quản (không để thất thoát, hư hỏng), mà còn được trưng bày, giới thiệu với công chúng, góp phần nâng cao nhận thức, tư tưởng, tình cảm của công chúng đối với di sản văn hoá.

Việc trưng bày này có thể thực hiện theo một, hai phương thức, hoặc đồng thời theo cả hai phương thức sau đây:

- Trưng bày tại một địa điểm ở ngay làng xã.

- Trưng bày tại bảo tàng tỉnh, thành phố (là một bộ phận trong trưng bày chung của bảo tàng).

Điều đáng quan tâm là, nhận thức của cộng đồng cư dân các làng xã đều khá đồng thuận về sự cần thiết của việc tổ chức trưng bày các di sản văn hoá của làng. Mặc dù, hoặc do chưa có điều kiện, hoặc do việc tham quan bảo tàng chưa trở thành thói quen, nên mới chỉ có 55,5% cư dân các làng xã đã từng đi tham quan bảo tàng, còn 44,5% chưa hề đi tham quan bảo tàng, nhưng hầu hết (97,5%) nhân dân các làng đều nhận thấy việc tổ chức trưng bày di sản văn hoá của làng mình là rất cần thiết. Tuy vậy, kết quả tổng hợp ý kiến về việc lựa chọn một trong hai phương thức trưng bày trên đây của cộng đồng cư dân các làng xã lại cho thấy:

- 62,5% cho rằng, nên chọn phương thức tổ chức trưng bày tại một địa điểm ở ngay làng xã

- Trong số này, 86% cho rằng nên tổ chức trưng bày tại một di tích lịch sử văn hoá của làng (đình, chùa, đền), 14% cho rằng nên tổ chức trưng bày tại một công trình xây dựng mới của làng.

- 5,5% cho rằng, nên chọn phương thức tổ chức trưng bày tại bảo tàng tỉnh (thành phố).

- 32% cho rằng, nên tổ chức trưng bày theo cả hai phương thức - tại làng và tại bảo tàng tỉnh (thành phố).

Đây chính là những gợi ý rất đáng lưu tâm đối với những người làm công tác bảo tồn bảo tàng.

3.4- Cuối cùng, một vấn đề cũng rất cần được quan tâm, là những suy nghĩ của quần chúng về việc "nhà nước và nhân dân cùng tham gia" bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá - thường được gọi là xã hội hoá hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá. Trong đó, nổi lên hàng đầu, khá thống nhất ở các làng, là có tới hơn 80% cư dân đều đề xuất - kiến nghị nhà nước cần hỗ trợ (đầu tư) kinh phí

cho việc bảo tồn di tích lịch sử - văn hoá của các làng xã và quan tâm tới các việc: tổ chức đào tạo nghề truyền thống cho lớp trẻ, xét tặng danh hiệu cao quý cho các nghệ nhân, ban hành các chế độ, chính sách khuyến khích các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá. Cùng đó, quần chúng cũng bày tỏ suy nghĩ về trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp này như sau:

- 55,5% sẵn sàng đóng góp công sức,
- 38,5% sẵn sàng đóng góp công sức và tiền của,
- 3,5% sẵn sàng đóng góp tiền của.
- Chỉ có 2,5% không bày tỏ ý kiến của mình về vấn đề này.

Như vậy, rõ ràng là cộng đồng cư dân ở các làng xã đã quan tâm tới việc bảo vệ và phát huy di sản văn hoá trên nhiều lĩnh vực (tu bổ di tích, đào tạo - truyền nghề, khen thưởng...), đồng thời sẵn sàng đóng góp một phần công sức và tiền của cho sự nghiệp này. Tuy nhiên vẫn có hơn 80% quần chúng nhân dân khuyến nghị Nhà nước tăng cường đầu tư và quan tâm hơn nữa tới các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hoá dân tộc, khiến chúng ta dễ nhận thấy tâm lý "trông chờ" vào Nhà nước vẫn còn thể hiện khá rõ. Vì vậy, khắc phục tâm lý trông chờ, nhiều khi là sự ỷ lại vào nhà nước, để bảo vệ và phát huy các di sản vốn gắn bó với đời sống thường nhật của cộng đồng làng xã, là vấn đề cũng rất cần được giải quyết.

4- Một số kiến nghị, giải pháp nhằm tăng cường vai trò của cộng đồng cư dân làng xã đối với sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc:

Từ kết quả bước đầu của việc tìm hiểu vấn đề nêu trên, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị, giải pháp, cụ thể như sau:

4.1- Cần không ngừng nâng cao nhận thức đúng đắn và đầy đủ của các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể của toàn xã hội, về vai trò cực kỳ quan trọng (của các cấp, các ngành, của từng cộng đồng và của toàn xã hội) đối với thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc. Giải pháp này cần được thực hiện thông qua việc xây dựng, thực thi các cơ chế, chính sách, các hoạt động tuyên truyền và giáo dục cộng đồng để mang lại hiệu quả thực tế.

4.2- Nhà nước cần tăng cường đầu tư cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn

hoá, đặc biệt là đầu tư kinh phí cho việc tu bổ di tích, sưu tầm hiện vật bảo tàng và đầu tư cho lĩnh vực ứng dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ nhằm "nối dài cánh tay" cho các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hoá, đồng thời, có chính sách động viên, khích lệ quần chúng phát huy vai trò chủ động, tích cực đóng góp tiền của, công sức cho sự nghiệp này. Chỉ có như vậy, quần chúng mới thực sự giữ vai trò vừa là chủ nhân sáng tạo, gìn giữ di sản văn hoá, vừa là những người được trực tiếp hưởng thụ thành quả của sự nghiệp vẻ vang đó.

4.3- Cần gắn kết việc giữ gìn, phát huy di sản văn hoá dân tộc với việc xây dựng môi trường nhân văn (sinh thái văn hoá) và đời sống văn hoá cộng đồng làng xã. Thành công của sự gắn kết này chắc chắn sẽ đưa tới kết quả tốt đẹp là: cùng với sự tăng trưởng kinh tế, chúng ta sẽ tạo được sự phát triển và ổn định thực sự của từng cộng đồng gia đình, làng xã, và của cả đất nước.

4.4- Cuối cùng, việc bảo vệ và phát huy di sản văn hoá phải được gắn liền, phối hợp chặt chẽ với việc phát triển du lịch bền vững. Giải pháp này giúp chúng ta không chỉ khai thác được ngày càng nhiều tiềm năng của di sản văn hoá phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, mà còn luôn luôn giữ gìn được di sản văn hoá của dân tộc, tức là giữ gìn được bản sắc văn hoá dân tộc trước mọi thử thách của xu hướng toàn cầu hoá, quốc tế hoá.

N.H.T

